

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 362 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 01 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum; Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 74/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 4 năm 2025 và ý kiến của Sở Nội vụ tại Văn bản số 1089/SNV-XDCQ&TCBM ngày 09 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

b) Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ cụm từ “Tổ chuyên viên giúp việc của Hội đồng quản lý” tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NC, KTN.VĐH.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

**Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum**
(Kèm theo Quyết định 362 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây viết gọn là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP); Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây viết gọn là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật.

Điều 2. Địa vị pháp lý

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định thành lập; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chức năng huy động, tiếp nhận và quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

2. Vốn ban đầu: 1.000.000.000 đồng.

3. Trụ sở: Đặt tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

4. Tên gọi: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum.

5. Tên giao dịch quốc tế: Kon Tum Province Forest Protection and Development Fund, viết gọn là KonTum FPDF.

6. Cơ chế tự chủ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

7. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC** **VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.
2. Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.
3. Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế.
4. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.
5. Lập Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hàng năm trên địa bàn tỉnh và dự toán chi phí quản lý hàng năm theo quy định.
6. Rà soát, xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, thực hiện các hoạt động kỹ thuật theo dõi, đánh giá chất lượng dịch vụ môi trường rừng.
7. Xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định.
8. Quản lý, sử dụng, tạm ứng, thanh, quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các bên liên quan theo quy định.
9. Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của các bên liên quan trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc nộp tiền chi trả của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.
10. Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.
11. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.
12. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn tài chính của Quỹ cho cấp có thẩm quyền.
13. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

14. Báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

15. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

16. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý và điều hành gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng (*sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý*), Ban kiểm soát, Ban điều hành và các phòng chuyên môn.

Điều 5. Hội đồng quản lý

1. Tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý

a) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản lý:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và ý thức kỷ luật tốt.
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.
- Có trình độ từ đại học trở lên.
- Không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật hoặc trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
- Độ tuổi đảm bảo để đủ tuổi công tác ít nhất 01 nhiệm kỳ (05 năm).

b) Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản lý:

- Đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản lý.
- Có kinh nghiệm quản lý hoặc chuyên môn về lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

b) Số lượng: Hội đồng quản lý gồm có 07 thành viên; Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng quản lý và các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm.

c) Cơ cấu: Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp; Thư ký Hội đồng là Giám đốc Quỹ; các thành viên gồm: đại diện lãnh đạo Sở Tài chính, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm phụ trách lĩnh vực Quản lý bảo vệ rừng; Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Quỹ.

Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Chế độ hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm tập thể về toàn bộ hoạt động của mình trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

d) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý là 05 năm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

b) Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản lý, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

d) Đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với Trưởng ban Ban Kiểm soát, Giám đốc và Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

đ) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban Ban kiểm soát;

e) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

g) Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu Giám đốc báo cáo về các hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

h) Xem xét thông qua kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng hằng năm và các nguồn tài chính khác của Quỹ, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

i) Ban hành các loại quy chế, văn bản liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

k) Thông qua việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

l) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

m) Được sử dụng con dấu của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum trong thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Quyết định, chỉ đạo thực hiện chương trình nghị sự, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ; chủ trì các cuộc họp và tổ chức bỏ phiếu tại các cuộc họp;

d) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định;

đ) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản lý nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản lý Quỹ phải xem xét;

e) Phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản lý;

g) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ;

h) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng

a) Điều hành hoạt động của Hội đồng quản lý khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền;

b) Ký các văn bản của Hội đồng quản lý theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ và do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ giao.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của hội đồng; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ, các văn bản của Hội đồng quản lý;

b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ và do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

a) Thực hiện nghiêm túc quy định của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và của đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật; tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

b) Thảo luận, đóng góp ý kiến trong cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ; biểu quyết về nội dung các quyết định của Hội đồng quản lý theo quy định.

c) Theo dõi, giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và có quyền đề xuất những ý kiến về hoạt động của Quỹ;

d) Được cung cấp và tiếp cận thông tin, tài liệu phục vụ công tác của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định; được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Quỹ;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

7. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý họp định kỳ mỗi quý 01 lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng hoặc kiến nghị của trên 30% thành viên Hội đồng quản lý hoặc đề nghị của Giám đốc hoặc Trưởng ban Ban kiểm soát sau khi được Chủ tịch Hội đồng chấp nhận. Hội đồng quản lý hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo nguyên tắc đa số. Trên cơ sở mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết ngang nhau;

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý chỉ có giá trị, hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết thông qua. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ phiếu ngang nhau thì Hội đồng quản lý quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý. Nội dung và các kết luận của cuộc họp Hội đồng quản lý phải được ghi thành biên bản và gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý;

c) Chủ tịch Hội đồng quản lý chỉ đạo, quản lý thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền, ủy nhiệm cho một thành viên Hội đồng quản lý điều hành công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng và báo cáo kết quả giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng có mặt;

d) Trường hợp có công việc cần giải quyết nhưng không thể triệu tập họp Hội đồng quản lý ngay, Chủ tịch Hội đồng xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý bằng văn bản và quyết định thực hiện công việc khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý nhất trí bằng văn bản. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ ngang nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng;

đ) Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các phiên họp Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy điều hành của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum để thực hiện các nhiệm vụ của mình;

e) Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản lý xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có Quyết định khác của Hội đồng quản lý, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi

trường hay Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

Điều 6. Ban kiểm soát

1. Tổ chức của Ban kiểm soát

a) Ban Kiểm soát có 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

b) Trưởng ban Ban kiểm soát do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý;

c) Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Ban kiểm soát.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của Ban điều hành;

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý chấp thuận;

d) Trưởng ban Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng quản lý và pháp luật về những hành vi tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện và về các thiệt hại của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý.

đ) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế do Chủ tịch Hội đồng quản lý ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng ban Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý và pháp luật về nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp trách nhiệm, thù lao và các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Ban điều hành

1. Ban điều hành bao gồm: Giám đốc; không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn hoạt động theo chế độ chuyên trách.

2. Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là người đại diện pháp nhân của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định. Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

a) Đại diện pháp nhân trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động trung hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch thu, chi hàng năm, dự toán chi phí quản lý hàng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trình Hội đồng quản lý thông qua;

c) Căn cứ kế hoạch thu, chi hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Nghị quyết của Hội đồng quản lý, Giám đốc phê duyệt dự toán chi phí hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và chỉ đạo triển khai thực hiện theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

đ) Căn cứ Điều lệ này ban hành Quy chế làm việc của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

e) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về các hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum cho Hội đồng quản lý; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và các sở, ngành liên quan;

g) Đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó Giám đốc;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Kế toán trưởng sau khi có ý kiến thống nhất chủ trương của Hội đồng quản lý;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn theo phân cấp quản lý tổ chức cán bộ; Quyết định tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc, ký hợp đồng lao động và chế độ chính sách đối với nhân sự của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum theo thẩm quyền và quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất chủ trương của Hội đồng quản lý;

k) Quyết định điều chuyển, luân chuyển viên chức, người lao động trong nội bộ cơ quan phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

l) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật.

4. Các Phó Giám đốc

a) Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành một số lĩnh vực nghiệp vụ, hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum theo phân

công, ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, và trước pháp luật về phần việc được giao.

b) Phó Giám đốc do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, nhiệm kỳ là 05 năm. Điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Kế toán trưởng

a) Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy định có liên quan; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về phần việc được giao.

b) Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm theo quy định sau khi có ý kiến thống nhất chủ trương của Hội đồng quản lý. Điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các phòng chuyên môn

a) Các phòng chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc Quỹ giao, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, tổ chức lại các phòng chuyên môn của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn; viên chức, người làm việc, người lao động chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các phòng chuyên môn được tính vào chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp, thù lao theo quy định.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH

Điều 9. Nguồn tài chính

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.

6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 10. Nội dung chi

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác từ nguồn kinh phí được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Điều lệ này.

2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí được quy định tại Khoản 2 Điều 9 Điều lệ này.

3. Tiền lãi gửi các tổ chức tín dụng từ nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

4. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các Khoản 3, 6 Điều 9 Điều lệ này.

5. Được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điểm b Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Mức trích cụ thể trong kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum được Hội đồng quản lý thông qua, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Nội dung chi, mức chi hoạt động của Quỹ được xây dựng trong Quy chế chi tiêu nội bộ, bao gồm:

a) Chi thường xuyên: chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp cho các thành viên Ban Điều hành Quỹ, chi tiền trách nhiệm quản lý cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; chi tiền công; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc; chi họp, hội nghị; chi công tác phí, thuê mướn; chi sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và cơ sở hạ tầng; chi thẩm định chương trình, dự án, thẩm định trong hoạt động đầu thầu; chi các hoạt động tiếp nhận và thanh toán tiền; chi kiểm tra giám sát và chi khác (nếu có);

b) Chi không thường xuyên: chi các hoạt động rà soát xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, các hoạt động kỹ thuật theo dõi, đánh giá chất lượng dịch vụ môi trường rừng; chi hỗ trợ hoạt động liên quan đến chi trả dịch vụ môi trường rừng cấp huyện, xã; chi hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản phục vụ hoạt động bộ máy Quỹ, mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác chi trả; chi truyền thông, tuyên truyền; chi

dịch vụ kiểm toán; chi hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; hỗ trợ các hoạt động trồng cây phân tán; hỗ trợ các hoạt động cập nhật, theo dõi diễn biến rừng; chi các hoạt động nhằm mở rộng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; chi khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Các khoản chi đảm bảo không trùng với các khoản chi của ngân sách nhà nước.”.

c) Chi phí xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng và chi phí xây dựng bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng được sử dụng từ nguồn kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác.

6. Kinh phí dự phòng được trích tối đa 5% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao, khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài trong trường hợp có thiên tai, khô hạn hoặc mức chi trả trên cùng đơn vị diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh thấp hơn năm trước liền kề; Giám đốc Quỹ lập kế hoạch hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, được giao, khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Kinh phí dự phòng đã được phê duyệt trong năm chưa thực hiện được hoặc chưa sử dụng hết phải chuyển trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

7. Đối với số tiền thu được từ bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng nhưng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều tiết số tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên; hỗ trợ công tác bảo vệ, phát triển rừng, trồng cây phân tán, trồng rừng cảnh quan trong khu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng; tuyên truyền, phổ biến chính sách nâng cao năng lực thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

8. Đối với nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng được điều tiết từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xây dựng kế hoạch chi trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, kế hoạch chi bao gồm: kinh phí quản lý tối đa 10%, số còn lại chi bổ sung cho bên cung ứng dịch vụ môi trường trước ngày 01 tháng 6; nguồn tiền nhận điều tiết từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam được quyết toán vào năm sau.

9. Đối với tiền dịch vụ môi trường rừng thu từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch và các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp được chỉ cho việc hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh hoặc điều tiết số tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên.

Điều 11. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán

1. Hằng năm, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum lập kế hoạch tài chính gồm: kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính

khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum báo cáo Hội đồng quản lý thông qua, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hằng năm, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của Pháp luật về tài chính kế toán hiện hành trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xét duyệt báo cáo quyết toán.

Điều 12. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

3. Thực hiện kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum.

4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; trường hợp cần thiết, thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

Chương IV

QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI DỰ ÁN ĐƯỢC QUỸ HỖ TRỢ

Điều 13. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

Hội đồng quản lý đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm các khoản kinh phí phải hoàn trả.

2. Các nội dung được hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;

b) Tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

c) Thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới;

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

e) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 14. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành.

2. Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban điều hành chủ trì, phối hợp với các Cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý thông qua, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.

Điều 15. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 13 Điều lệ này và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 16. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thành lập ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Kiểm tra đánh giá thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

1. Ban điều hành chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum hỗ trợ theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trường hợp cần thiết, Ban điều hành được thuê tư vấn để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum hỗ trợ.

Chương V **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

Điều 18. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 19. Tổ chức lại, giải thể

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum, Hội đồng quản lý theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, tổ chức lại các phòng chuyên môn của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
